

Bản án số: 144/2024/HS-PT  
Ngày 18-3-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khương

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 631/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Dương Trung T và Trần Mạnh T1 và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 327/2023/HS-ST ngày 12 - 7 - 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Dương Trung T**; Sinh ngày 18/5/1974 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A Tập thể G, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội;住所: 10.08 Block A, chung cư S T, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Dương Đăng T2 và con bà Nguyễn Phương T3; bị cáo chưa có vợ, con.

**- Tiền án:**

+ Năm 2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

+ Năm 2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội "Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 14 năm tù (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2019);

**- Tiền sự:** Không.

Nhân thân: Ngày 21/3/2023, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Bị bắt, tạm giam từ ngày 16/4/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Mạnh T1**; Sinh ngày 15/3/1992 tại Nam Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16/84 L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định;住所: 10.08 Block A, chung cư S T, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Thanh X và con bà Nguyễn Thị D; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 25/6/2013 bị Công an thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 500.000 đồng về hành vi "ném chất bẩn vào nhà ở".

Bị bắt, tạm giam từ ngày 13/4/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo T:*

1. Luật sư Nguyễn Thị Hương G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Luật sư Vũ Xuân H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo T1:*

Luật sư Vũ Xuân H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan liên*

Bà Hoàng Thủy T4; Sinh năm 1989; Thường trú: 258 L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Căn hộ A, chung cư T, đường P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có kháng cáo: Bị cáo Dương Trung T và Trần Mạnh T1.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*1. Hành vi của Dương Trung T và Trần Mạnh T1, vận chuyển trái phép 20.739,78 gam ma túy thể rắn (trong đó gồm có: 1.976,2 gam Ketamine và 18.763,58 gam MDMA) bị bắt quả tang tại I T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/4/2021.*

Khoảng tháng 02/2021, Dương Trung T vào Thành phố Hồ Chí Minh mục đích tìm thuê cửa hàng bán ẩm trà (ẩm tử sa). Khi đó, đối tượng tên H1, quê ở Nghệ An, có nickname zalo tên “Boy đẹp trai”, hiện đang ở Đức, là người quen với T từ trước đây khi còn ở Việt Nam gọi điện và đặt vấn đề thuê T nhận một kiện hàng và nói rõ bên trong kiện hàng đó có thuốc lắc (Kẹo) và K, T chỉ nhận về sau đó sẽ có người liên hệ để đến lấy với tiền công cho việc nhận kiện hàng là 50.000.000 đồng. H1 nói T đặt mua một thẻ Căn cước công dân giả để thuê nhà và đăng ký số điện thoại, sau đó nhắn địa chỉ nhà và số điện thoại để H1 gửi hàng về. Từ đó, T đã vào mạng Internet gọi điện trên trang quảng cáo “làm giả giấy tờ” đặt làm một thẻ căn cước công dân giả với giá 1.000.000 đồng, sau khi có Căn cước giả đứng tên Đào Văn L, T đã dùng để thuê căn hộ 10.08 Block A, chung cư S T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh rồi cho bạn gái Hoàng Thủy T4 về ở cùng và dùng căn cước giả đăng ký 02 thuê bao số điện thoại 0904421331, số 0903594246.

Vào khoảng tháng 3/2021, Trần Mạnh T1 vào Thành phố Hồ Chí Minh gặp T với mục đích tìm thuê cửa hàng bán hoa tươi như đã thỏa thuận với Thủy T4 từ trước, nhưng do chưa tìm được chỗ ở nên T có nhờ T cho T1 ở nhờ tạm cùng tại căn hộ A Block A chung cư Screc I T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng đầu tháng 4/2021, T đã bàn với Trần Mạnh T1 về việc nhận bưu kiện cho H1 và T nói rõ với T1 bên trong kiện hàng là “Kẹo” và Ketamine, T1 sẽ chịu trách nhiệm đi nhận kiện hàng với tiền công H1 trả là 50.000.000 đồng, mỗi người sẽ được một nửa là 25.000.000 đồng thì T1 đồng ý. Sau khi thống nhất xong, T gọi zalo báo cho H1 và gửi số điện thoại, địa chỉ nhận là số 1 T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, tên người nhận là Đào Văn L, số điện thoại người nhận 0904421331 (mục đích gửi về địa chỉ trên là gần căn hộ nơi T ở để tiện cho việc nhận bưu kiện, còn tên người nhận Đào Văn L là theo Căn cước công dân giả do T đã đặt làm trên mạng có ảnh của T) thì H1 đồng ý rồi H1 nói với T khi nào “hàng” về sẽ báo cho T biết để nhận. Ngày 03/4/2021, Dương Trung T đi máy bay ra Hà Nội tìm một người bạn tên B để đòi tiền nợ thì H1 gọi zalo cho T và biết T đang ở Hà Nội nên hỏi có thể nhận bưu kiện tại Hà Nội được không thì T đồng ý. Sau đó T gọi điện nói với T1 mua vé máy bay ra Hà Nội gặp T để chờ nhận bưu kiện tại Hà Nội nên T chuyển khoản tiền mua vé máy bay cho T1. Ngày 05/4/2021, Trần Mạnh T1 đi máy bay chuyển tới từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội gặp Dương Trung T rồi cùng ở khách sạn A (không rõ địa chỉ) để cùng chờ nhận bưu kiện có ma túy. Tuy nhiên, đến ngày 09/4/2021, H1 gọi zalo điện báo có trục trặc nên dịch vụ chuyển phát hàng hóa không giao bưu kiện ở Hà Nội được. Sau đó, T bảo T1 đặt vé máy bay vào Thành phố Hồ Chí Minh chuyến bay 21 giờ tối ngày 09/4/2021 để cả hai đi máy bay vào Thành phố Hồ Chí Minh và ở cùng tại căn hộ A Block A, chung cư S, 974 T để tiếp tục chờ nhận bưu kiện. Chiều tối ngày 10/4/2021, do mâu thuẫn ghen tuông nên Hoàng Thủy T4 đã chuyển về ở tại căn hộ số 18.06 của chị gái thuê tại Block C, chung cư T đường P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào các ngày 11, 12/4/2021, vì biết T làm dịch vụ chuyển tiền (nhận tiền mặt và chuyển tiền tài khoản cho khách hàng) nên đối tượng tên N (là người quen của H1) gọi cho T nhờ chuyển tiền cho H1 với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng T7 Trần Thị D1 (tài khoản này do H1 gửi cho T để nhận số tiền do N gửi). Sau đó, N nhờ người em tên P mang số tiền 1.000.000.000 đồng giao cho T, đến sáng ngày 12/4/2021, T nhờ Trần Mạnh T1 mang số tiền ra chi nhánh ngân hàng để chuyển khoản cho H1 thông qua tài khoản của Trần Thị D1 và sau khi chuyển tiền cho N, T đã thu của N 20 triệu đồng tiền dịch vụ.

Khoảng 18 giờ chiều ngày 12/4/2021, H1 sử dụng zalo gửi cho T ảnh đơn hàng của hai bưu kiện và nói với T trong đó có một bưu kiện là của N ghi tên người nhận là Nguyễn Phi L1 và số điện thoại là 0788331533 (của N), nhờ T nhận hộ luôn vì N đang ở Campuchia không về nhận được. T nói với H1 nếu nhờ T nhận hộ thì bưu kiện mà H1 gửi cho N cũng phải gửi theo địa chỉ của T thì H1 đồng ý và sửa lại nhãn dán trên bưu kiện từ tên người nhận là Nguyễn Phi L1 thành tên Đào Xuân L2 và số điện thoại người nhận là của T. Sau đó, H1 gửi lại hình ảnh hai kiện hàng cho T rồi T gửi cho T1 và bảo T1 qua địa chỉ A B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (là địa chỉ của Công ty C1) để hỏi nhận hai kiện hàng, do đó Trần Mạnh T1 đón taxi đi đến Công ty C1 hàng hỏi nhận hai bưu kiện nhưng nhân viên tại đây thông báo hai kiện hàng chưa về nên T1 điện cho T thông báo là kiện hàng chưa về. Sau đó, T lái xe ô tô qua đón T1 và cả hai đi qua Tòa nhà

chung cư T đường P, phường T, Quận A để tìm gặp Thủy T4 nhưng Thủy T4 không ra gặp nên T và T1 đi về căn hộ số 10.08 Block A, 974 T.

Do trước đó, H1 gọi thông báo sẽ gửi mẫu ma túy cho T để làm hàng mẫu và N sẽ cho người mang đến, do vậy N đã cho người em tên C (Nickname Zalo tên C EN) mang mẫu ma túy đến giao cho T. T mang số mẫu ma túy lên căn hộ và cùng T1 mở ra xem, sau đó T đi ngủ trước, còn T1 lấy mẫu các loại ma túy mang vào phòng ngủ xem lại các loại ma túy để sau khi nhận được hai kiện hàng sẽ cho khách hàng xem và chuyển cho khách hàng luôn (số ma túy này cũng đã bị Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ tại căn hộ A vào ngày 14/4/2021).

Khoảng trưa ngày 13/4/2021, T tiếp tục bảo T1 đi đến Công ty chuyên phát hàng tại địa chỉ A77 B để hỏi và nhận được bưu kiện nên T1 gọi điện báo cho T rồi T bảo T1 thuê xe chở về phòng 305 Block C, chung cư T đường P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và để 02 kiện hàng ở đó (là căn hộ do T thuê, trước đó T đã đưa thẻ chìa khóa căn hộ trên cho T1).

Sau khi điện thoại hướng dẫn T1 để hai kiện hàng tại Chung cư T đường P, thì T quay trở về phòng 10.08 Block A, chung cư S Block A, Phường A khóa trái cửa đi ngủ, khi tỉnh dậy T thấy nhiều cuộc gọi nhỡ của T1 nên gọi điện báo với T1 do ngủ quên nên không mở cửa cho T1 được rồi bảo T1 lên phòng. Khi gặp T, T1 nói cho T biết việc đã nhận nhầm kiện hàng và đã trả lại hàng. Đến khoảng 18 giờ tối ngày 13/4/2021, nhân viên giao hàng gọi điện cho T báo sẽ vận chuyển bưu kiện đến địa chỉ trên đơn hàng và bảo khoảng một lúc sau đến sẽ gọi báo lại nên T xuống quán cà phê dưới sảnh chung cư rồi gọi điện báo T1 xuống quán cà phê giao cho T1 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, có số 0904421331 và bảo T1 khi nào nhân viên bưu điện giao hàng gọi điện thì xuống sảnh chung cư để nhận 02 kiện hàng cho T, sau khi nhận xong thì thuê xe đưa về phòng 305 Block C1, chung cư T đường P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu.

Một lúc sau, nhân viên bưu điện gọi vào số điện thoại 0904421331 và báo là đã đưa bưu kiện đến sảnh chung cư, T1 đi xe Honda Vision ra gặp nhân viên Công ty chuyển phát hàng, nhân viên chuyển hàng hỏi giấy chứng minh nhân dân, lúc này T1 đã gọi zalo cho T hỏi giấy tờ để nhận bưu kiện thì T bảo T1 quay về quán cà phê để lấy. Tại đây, T đưa cho T1 một Căn cước công dân có ảnh của T, nhưng T1 không kiểm tra căn cước mà mang quay lại nhận hàng và khi vừa nhận xong 02 bưu kiện thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang cùng với 02 kiện hàng có ma túy, tại I T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào tối ngày 13/4/2021.

Về phía Dương Trung T, sau khi đưa Căn cước công dân cho T1 thì T đi về chung cư T, đường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó cũng bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Qua giám định 02 kiện hàng có ma túy giấu bên trong với khối lượng là: 20.739,78 gam ma túy thể rắn các loại, trong đó: 1.976,2 gam Ketamine và 18.763,58 gam MDMA (theo Kết luận giám định số 2263/C09B-TT2 ngày 13/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự).

*2. Hành vi của Dương Trung T và Trần Mạnh T1, vận chuyển trái phép 17,21 gam ma túy thể rắn các loại (trong đó gồm có: 0,9 gam Ketamine; 11,92 gam*



*Methamphetamine; 3,53 gam MDMA và 0,86 gam 2- CB) bị thu giữ khi khám xét căn hộ 10.08 Block A, chung cư S T, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14/4/2021.*

Ngày 12/4/2021, H1 gọi báo cho Dương Trung T là đã gửi cho N một ít ma túy làm hàng mẫu lấy từ kiện hàng mà T sẽ nhận để T giao cho khách hàng khi nhận được 02 kiện hàng mà H1 gửi về. Sau đó, N gọi điện cho T báo sẽ cho C (có zalo là C EN) mang ma túy mẫu của H1 gửi cho T và khi T nhận được số ma túy hàng mẫu thì T và T1 để lại tại căn hộ 10.08 Block A, chung cư S T, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Toàn bộ số ma túy này T và T1 chưa kịp giao cho khách của H1 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 khám xét thu giữ vào ngày 14/4/2021. Qua giám định có khối lượng là: 17,21 gam ma túy thể rắn, trong đó 0,9 gam Ketamine, 11,92 gam Methamphetamine, 3,53 gam MDMA và 0,86 gam 2-CB (theo Kết luận giám định số 2263/C09B-TT2 ngày 13/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự).

- Đối với đối tượng tượng tên H1, N, C, P, quá trình - điều tra không rõ nhân thân lai lịch nên không có điều kiện, xác minh làm rõ.

- Đối tượng có tên, địa chỉ ghi trên kiện hàng có ma túy bị phát hiện bắt quả tang 13/4/2021 là Nguyễn Thị O: Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 đã gửi Ủy thác tư pháp đến Vương quốc H, đến nay chưa có kết quả trả lời.

Đối với Trần Thị D1, hiện nay đang trú tại số D, Chung cư N, T, Y, Cầu G, Hà Nội là chủ số tài khoản 1015353065 và 10936758290013 mà H1 gửi cho Dương Trung T (qua zalo) để T và T1 chuyển tiền của N cho H1. Quá trình điều tra, Dương Trung T và Trần Mạnh T1 khai: không biết D1 là ai, chỉ biết H1 nhờ chuyển số tiền của N qua tài khoản này thì T, T1 chuyển. Trần Thị D1 khai: không biết H1, N và những người gửi tiền qua tài khoản của D1 là ai. Do có quen biết từ trước với Hồ Thị L3, sinh năm 1996, quê quán: N, N, Nghệ An, hiện đang cư trú tại Đức, L3 có nhờ D1 nhận giúp tiền sau đó chuyển cho Hồ Thị L4 (là em gái của L3). L3 vẫn thường xuyên nhờ D1 nhận tiền hộ sau đó chuyển cho người khác do L3 cung cấp tên, địa chỉ, tài khoản, không lấy tiền công. L3 và D1 hay hợp tác làm ăn mua bán quần áo nên việc chuyển tiền qua lại diễn ra thường xuyên, L3 không nói với D1 về nguồn gốc số tiền trên. Cơ quan điều tra xác minh, hiện L3 và L4 đã xuất cảnh không có mặt tại địa phương. Do vậy, không có căn cứ để xác định hành vi của D1 liên quan đến hoạt động mua bán ma túy.

- Đối với Hoàng Thủy T4 (là bạn gái của T, ở cùng T và T1 tại căn hộ 10.08 Block A chung cư Scree I T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình điều tra xác định: Thủy Tiên không biết T và T1 vận chuyển trái phép chất ma túy nên không đề cập xử lý.

### *3. Hành vi sử dụng tài liệu giả của của cơ quan, tổ chức của Dương Trung T:*

Vào khoảng tháng 2/2021, sau khi Dương Trung T đồng ý nhận ma túy cho H1 từ nước ngoài gửi về. H1 nói T đặt mua một thẻ Căn cước công dân giả để thuê nhà và đăng ký số điện thoại sau đó nhắn địa chỉ và số điện thoại cho H1 để H1 gửi hàng về. Do đó T vào mạng Internet thông qua trang web vào Google tìm kiếm người làm giấy tờ giả, thì thấy hiện lên tài khoản làm giấy tờ giả và T đã gọi vào zalo trên quảng cáo thì gặp một người phụ nữ, T yêu cầu làm thẻ căn cước

công dân giả có dán ảnh của T, người phụ nữ báo giá 1.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu T cung cấp ảnh, còn các thông số họ tên, địa chỉ liên quan đến Căn cước công dân do ngun tám tự chọn. T đã chụp hình thẻ của mình bằng điện thoại sau đó gửi ảnh qua zalo cho người phụ nữ nhận làm thẻ. Khoảng 02 giờ sau, người làm giấy tờ giả cho xe dịch vụ G1 đến giao cho T. Lái xe G1 đã gọi điện cho T và hẹn giao tại quán cà phê (T không nhớ địa chỉ). Tại đây T nhận được 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Đào Văn L, số 079078000463, có hình ảnh của T rồi T trả tiền cho lái xe G2 1.000.000 đồng.

Sau khi có thẻ Căn cước công dân giả, T đã sử dụng để làm hợp đồng thuê căn hộ 10.08 Block A chung cư Screc I T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký các số điện thoại 0904421331 và số 0903594246, sau đó T đã gửi địa chỉ và số điện thoại để H1 gửi ma túy về cho T nhận. Tối ngày 13/4/2021, khi nhân viên chuyển phát hàng hỏi T1 đưa giấy tờ Chứng minh nhân dân để nhận bưu kiện thì T1 đã gọi điện cho T và T đã đưa cho T1 01 thẻ Căn cước công dân có hình ảnh của T, khi T1 đến nhận xong bưu kiện thì bị phát hiện bắt quả tang. Tại Kết luận giám định số 3731/KL-KTHS ngày 31/8/2022 của V sự Bộ C2 kết luận: “Căn cước công dân số 079078000463 mang tên Đào Văn L ngày 30/3/2020 là Căn cước công dân giả bằng phương pháp in chuyển nhiệt”.

Đối với Trần Mạnh T1: T1 không biết việc T đặt làm Căn cước công dân giả, T cũng không nói với T1. Khi T đưa cho T1 Căn cước công dân trên để đi nhận bưu kiện thì T1 cũng không biết là Căn cước công dân giả. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý T1 về hành vi này.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 327/2023/HS-ST ngày 12 - 7 - 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ năm 2017, xử phạt Dương Trung T: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội danh là: Tử hình. Xử phạt bổ sung: Dương Trung T phải nộp số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Trần Mạnh T1: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Và xử phạt bổ sung: Trần Mạnh T1 phải nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, bị cáo Dương Trung T và bị cáo Trần Mạnh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Nguyễn Thị Hương G và luật sư Vũ Xuân H bào chữa cho bị cáo Dương Trung T cho rằng: Trong quá trình tạm giam bị cáo T đã lập công, chuộc tội, tố giác hành vi phạm tội của vụ án Nguyễn Thế T5 và đồng phạm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng không cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với cách mạng (bị cáo có ông bác là Nguyễn Đức B1 là liệt sĩ; mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T6 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất). Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm u, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo, chuyển hình phạt tù hình xuống tù chung thân cho bị cáo T.

Luật sư Vũ Xuân H cũng là người bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh T1 cho rằng, bị cáo T1 chỉ là đồng phạm giúp sức thứ yếu, số ma túy bị cáo vận chuyển đã bị Cơ quan Điều tra đã thu giữ nên hậu quả về mặt xã hội có phần hạn chế, bị cáo cũng chưa được hưởng lợi. Nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt từ tù hình sang tù chung thân cho bị cáo T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Các bị cáo có nhân thân xấu, vận chuyển khối lượng ma túy rất lớn. Các bị cáo kháng cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của luật sư bào chữa và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Dương Trung T đã bàn bạc, rủ bị cáo Trần Mạnh T1 vận chuyển trái pháp ma túy để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Để che giấu hành vi phạm tội, bị cáo T đã lên mạng xã hội đặt làm căn cước công dân giả.

Ngày 13/4/2021, bị cáo T và T1 đã vận chuyển khối lượng 20.739,78 gam ma túy thể rắn thì bị bắt quả tang.

Ngày 14/4/2021, công an khám xét và thu giữ được khối lượng ma túy 17,21 gam ma túy thể rắn mà trước đó các bị cáo T và T1 nhận để kiểm tra mẫu.

[2]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Dương Trung T và Trần Mạnh T1 là phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với tang vật là số ma túy thu giữ được, phù hợp với kết luận giám định về số ma túy thu giữ được và Kết luận chứng minh nhân dân giả.

[3]. Hành vi của các bị cáo Dương Trung T và Trần Mạnh T1 vận chuyển khối lượng 20.756,99 gam ma túy thể rắn là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến công tác quản lý chất ma túy của Nhà nước, là một trong các nguyên nhân

làm phát sinh các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội. Ngoài ra, bị cáo Dương Trung T còn có hành vi xâm phạm đến công tác quản lý của nhà nước về căn cước công dân.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Dương Trung T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tuyên bị cáo Trần Mạnh T1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Trong vụ án, bị cáo Dương Trung T là người lên mạng xã hội đặt làm căn cước công dân giả, sau đó rủ rê bị cáo Trần Mạnh T1 cùng thực hiện. Bị cáo T là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người có nhân thân rất xấu: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Năm 2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội "Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 14 năm tù (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2019). Ngoài ra bị cáo còn có nhân thân: Ngày 21/3/2023, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện một lúc 02 tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tính chất ngày một nguy hiểm hơn. Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm nguy hiểm, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật.

[6]. Đối với bị cáo Trần Mạnh T1 là đồng phạm thực hành rất tích cực, bị cáo là người kiểm tra mẫu ma túy và sau khi ma túy được chuyển đến bị cáo đã trực tiếp nhận 02 bưu kiện hàng ma túy này. Bị cáo phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, có 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”. Bị cáo có nhân thân: Ngày 25/6/2013 bị Công an thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 500.000 đồng về hành vi "ném chất bẩn vào nhà ở", tuy đã được xóa, nhưng thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật.

[7]. Các bị cáo biết rõ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy sẽ bị pháp luật xử phạt nghiêm khắc, nhưng để có tiền các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với khối lượng ma túy vận chuyển là 20.756,99 gam ma túy thể rắn là rất lớn. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án tử hình, loại bỏ các bị cáo khỏi đời sống xã hội là phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi, nhân thân và khối lượng ma túy các bị cáo đã vận chuyển.

[8]. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[9]. Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Nguyễn Thị Hương G và Luật sư Vũ Xuân H bào chữa cho bị cáo Dương Trung T cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo T hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có sự thiếu sót. Quan điểm của các luật sư là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.



Ngoài ra, các luật sư còn đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, là không có căn cứ. Bởi lẽ, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.” Nhưng bị cáo T chỉ có ông bác là Nguyễn Đức B1 là liệt sĩ và mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T6 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, đây chỉ là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng cho bị cáo được hưởng rồi.

Luật sư Vũ Xuân H cũng là người bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh T1 cho rằng: bị cáo T1 chỉ là đồng phạm giúp sức là không có căn cứ. Bởi lẽ, như đã phân tích tại mục [6] thì bị cáo Trần Mạnh T1 là đồng phạm thực hành rất tích cực, bị cáo là người kiểm tra mẫu ma túy và sau khi ma túy được chuyển đến, bị cáo là người trực tiếp nhận 02 bịch ma túy hàng bên trong có chứa ma túy.

[10]. Do đó các luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ cho các bị cáo xuống mức hình phạt chung thân là không có căn cứ chấp nhận.

[11]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[12]. Án phí hình sự sơ thẩm: Do kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí này.

[13]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Trung T và Trần Mạnh T1.

2. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 327/2023/HS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Dương Trung T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh T1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ năm 2017.

Xử phạt Dương Trung T: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội danh là: Tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/4/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Dương Trung T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trần Mạnh T1: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Mạnh T1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án các bị cáo Dương Trung T và Trần Mạnh T1 được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Trung T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); Bị cáo Trần Mạnh T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND TPHCM(3);
- VKSND TPHCM (1);
- Cục THADS TPHCM (1);
- Sở Tư pháp TPHCM (1);
- Công an TPHCM (1);
- Trại tạm giam – CA TPHCM (3);
- Người tham gia tố tụng (1)
- Lưu VP(3), HS(2). 18b.ĐTTB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Văn Khương**